

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
1.	10	Sim Giá rẻ		Sim trị giá $\leq 3,000,000$	
2.	11	Sim trả sau		Sim thuộc loại thuê bao = Trả sau	
4.	13	Sim khuyến mãi		Sim thuộc danh mục khuyến mại	
3.	67	Sim lắp kép		Bao gồm các sim lắp 2, lắp 3, lắp 4 và sim kép 2, kép 3, kép 4	• 0xxxxCAA.BB (A # B, x#C) • 0xxDAA.BB.CC (A, B, C có ít nhất 1 cặp số khác khác, x#D) • 0xAA.BB.CC.DD (A,B,C,D ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) • 0xxxCDAB.AB (A#B, CD#AB) • 0xCD.AB.AB.AB (A # B, CD#AB)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					● 0xAB.AB.AB.AB (x#B, A#0, A#B) ● 0A.0A.0A.0A.0A ● 0xxxABC.ABC (A,B,C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) ● 0xABCD.ABCD (A,B,C,D ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) ● 0ABCD.0ABCD (A,B,C,D ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) ● 0xxxABA.BAB (A#B) ● 0ABC.ABC.ABC (A,B,C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau)
	670		Sim kép 2	SIM có đuôi số chứa 2 cặp số, mỗi cặp số chứa 2 con số bằng nhau	0xxxxCAA.BB (A # B, x#C)
	671		Sim kép 3	SIM có đuôi số chứa 3 cặp số, mỗi cặp số chứa	0xxDAA.BB.CC (A, B, C có ít nhất 1

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				2 con số bằng nhau	cặp số khác khác, x#D)
	672		Sim kép 4	SIM có đuôi số chứa 4 cặp số, mỗi cặp số chứa 2 con số bằng nhau	0xAA.BB.CC.DD (A, B, C,D có ít nhất 1 cặp số khác khác)
	673		Sim Lặp 2	SIM có đuôi số chứa 2 cặp lặp lại của một số	1. 0xxxCDAB.AB (A#B, CD#AB) 2. 0xxxABC.ABC (A, B, C có ít nhất 1 cặp số khác khác) 3. 0xxxAABAAB (A#B) 4. 0xxxABA.ABA (x # A, A#B) 5. 0xxxABBABB (x # A, A#B) 6. 0xABCD.ABCD (A, B, C có ít nhất 1 cặp số khác khác) 7. 0ABCD0.ABCD (A, B, C có ít nhất 1 cặp số khác khác)
	674		Sim Lặp 3	SIM có đuôi số chứa 3 cặp lặp lại của 1 con số có 2 chữ số	1. 0xCD.AB.AB.AB (A # B, CD#AB)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					2. 0ABC.ABC.ABC (A, B, C có ít nhất 1 cặp số khác khác)
	675		Sim Lặp 4	SIM có đuôi số chứa 4 cặp lặp lại của 1 con số có 2 chữ số	0xAB.AB.AB.AB (x#B, A#0, A#B)
	676		Sim lặp 5		0A.0A.0A.0A.0A
5.	68	Tứ quý		Bộ 4 số giống nhau cuối dãy số sim	0xxxxB.AAAA (A#B)
	680		Sim Tứ Quý 0		0xxxxA.0000 (A # 0)
	681		Sim Tứ Quý 1		0xxxxA.1111 (A # 1)
	682		Sim Tứ Quý 2		0xxxxA.2222 (A # 2)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
	683		Sim Tứ Quý 3		0xxxxA.3333 (A # 3)
	684		Sim Tứ Quý 4		0xxxxA.4444 (A # 4)
	685		Sim Tứ Quý 5		0xxxxA.5555 (A # 5)
	686		Sim Tứ Quý 6		0xxxxA.6666 (A # 6)
	687		Sim Tứ Quý 7		0xxxxA.7777 (A # 7)
	688		Sim Tứ Quý 8		0xxxxA.8888 (A # 8)
	689		Sim Tứ Quý		0xxxxA.9999 (A # 9)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
			9		
6.	70	Ông địa		38 (ông địa nhỏ) hoặc 78 (ông địa lớn)	0xxxxxxx38 0xxxxxxx78
7.	72	Thần tài		39 (thần tài nhỏ), 79 (thần tài lớn)	0xxxxxxx39 0xxxxxxx79
8.	73	Lộc phát		68 (lộc phát), 86 (phát lộc)	0xxxxxxx86 0xxxxxxx68 0xxxxxxx866 0xxxxxxx688
9.	74	Sim Taxi / Hotline		- Lắp 2: Sim có 6 số cuối chia là 3 hoặc 4 cụm lặp lại 2 con số - Lắp 3: Sim có 6 số cuối chia là 2 cụm lặp lại 3 con số	0xxxAB.AB.AB (A#B) 0xCD.AB.AB.AB (A # B, CD#AB) 0xAB.AB.AB.AB (A#B, x#B) 0A.0A.0A.0A.0A

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				- Lặp 4: Sim có 8 số cuối chia là 2 cụm lặp lại 4 con số - Lặp 5	0xxx.ABC.ABC (A, B, C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau, xxx#ABC) 0ABC.ABC.ABC (A,B,C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) 0x.ABCD.ABCD (A, B, C, D ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) 0ABCD.0ABCD (A,B,C,D ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) 0x.AAAA.BBBB (A # B)
10.	740		Sim taxi lặp 2	Sim có 6 số cuối chia là 3 hoặc 4 cụm lặp lại 2 con số	0xxx AB.AB.AB (A#B) Trường hợp đặc biệt: 0xCD.AB.AB.AB (A # B, CD#AB) 0CAB.AB.AB.AB (A # B, C#B) 0A.0A.0A.0A.0A

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
11.	741		Sim taxi lắp 3	Sim có 6 số cuối chia là 2 cụm lặp lại 3 con số	0xxx.ABC.ABC (A, B, C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) Trường hợp đặc biệt:0ABC.ABC.ABC (A,B,C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau)
12.	742		Sim taxi lắp 4	Sim có 8 số cuối chia là 2 cụm lặp lại 2 con số	0x.ABCD.ABCD (A, B, C ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau) 0x.AAAA.BBBB (A ≠ B)
	743		Sim taxi lắp 5		0ABCD.0ABCD (A,B,C,D ít nhất phải có 1 cặp số khác nhau)
13.	75	Sim Ngày Tháng Năm Sinh		Sim Ngày Tháng Năm Sinh	● 0xxxxddmmyy (dd = 01 - 31; mm = 01 - 12; yy = 00 - năm hiện tại & 50 - 99) Ví dụ: 0324150402 ● 0xxxxddmmyy (dd = 01 - 31; m = 1 - 9; yy = 00 - năm hiện tại &

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					50 - 99) Ví dụ: 0324515402 ● 0xxxxdmmyy (d = 1 - 9; mm = 01 - 12; yy = 00 - năm hiện tại & 50 - 99) Ví dụ: 0345650402 ● 0xddmm19yy (dd = 01 - 31; mm = 01 - 12; yy = 50 - 99) Ví dụ: 0325041950 ● 0xddmm20yy (dd = 01 - 31; mm = 01 - 12; yy = 00 - năm hiện tại) Ví dụ: 0315042002
14.	76	Sim dễ nhớ			Lưu ý: A, B, C, D, E, F phải có ít nhất 1 cặp số khác nhau 1. 0xxxxxAB.AC (TH đặc biệt:

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					AB1AB) 2. 0xxxxxAB.CB 3. 0xxxABB.ACC 4. 0xxxAAB.AAC 5. 0xxxACC.BCC 6. 0xxx.ABC.DBC (A#D) TH đặc biệt: 0xxxA1BC.ABC 7. 0xABBB.ACCC 8. 0xAAAB.AAAC 9. 0xxxAB.AC.AD 10. 0xxxAB.CB.DB 11. 0xxxABC.ABD (C#D) 12. 0xxxABC.ADC (B#D) Trường hợp DB: 0xxxAB1C.ABC 13. 0xABCD.EBCD (A#E)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					14. 0xABCD.AECD (B#E) TH đặc biệt: 0xAB1CD.ABCD 15. 0xABCD.ABED(C#E) 16. 0xABCD.ABCE (D#E) TH đặc biệt: A = C -> 0xAB.AC.AD.AE (0BBBB.0CCCC) 0xAB.AD.AB.AE D = E + 1 -> 0xABCD1.ABCD 17. 0BCDEFBCDE 18. 0ABCD.EABCD 19. 0BCDE0FCDE 20. 0ABCD.0EBCD 21. 0BCDE0BFDE 22. 0ABCD.0AECD

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					23. 0ABCD.0ABED 24. 0BCDE0BCDF 25. 0ABCD.0ABCE 26. 0xAB.CB.DB.EB (TH đặc biệt: 0A.0B.0C.0D.0E) 27. 0A.0B.0C.0D.0E 28. 0x0A.BA.CA.DA 29. 0A.0B.0C.0D.0E 30. 0ABA.CA.DA.EA 31. 0xxxxx.AB1AB 32. 0xxxxx.A1BAB 33. 0xxxxxx.A2A1A Các TH đặc biệt - 0xxxxx.A3A2A1A - 0xxxxx.A4A3A2A1A

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					- 0xxx.A5A4A3A2A1A - 0xx.A6A5A4A3A2A1A - 0x.A7A6A5A4A3A2A1A - 0A8A7A6A5A4A3A2A1A 34. 0xxx.A2A2A1A1AA 35. 0xxx.A4A4A2A2AA 36. 0xxxxxx.A4A2A1 37. 0xxxABC1.ABC 38. 0xxxxx.A6A4A2A Các TH đặc biệt - 0xxxxx.A8A6A4A2A 39. 0xxx.AB2AB1AB (A có thể = B) 40. 0xxx.A2BA1BAB (A có thể = B) 41. 0xABC1D.ABCD

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					42. 0xAB1CD.ABCD 43. 0xA1BCD.ABCD 44. 0ABCD1.0ABCD 45. 0ABC1D.0ABCD 46. 0AB1CD.0ABCD 47. 0A1BCD.0ABCD 48. Sim tiến đôi +2 (abacad + 2) Ví dụ: 0890.21.23.25
15.	77	Sim Năm sinh		Sim chứa năm sinh	Sim năm sinh 8 (dd.mm.yyyy) • 00 < dd < 32 • 00 < mm < 13 • 1950 <= yyyy < hiện tại Sim năm sinh 7 (dd.m.yyyy, dmmmyyyy) • 00 < dd < 32

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					• $0 < d < 10$ • $00 < mm < 13$ • $0 < m < 10$ • $1950 \leq yyyy \leq$ hiện tại Sim năm sinh 6 (dd.mm.yy) • $00 < dd < 32$ • $00 < mm < 13$ • $50 \leq yy \leq 2$ số cuối năm hiện tại Sim năm sinh 4 (yyyy) • $1950 \leq yyyy \leq$ năm hiện tại + 1 • 0xxxxx19yy (yy = 50-99) • 0xxxxx20yy (yy = 00 - năm hiện tại) Ví dụ: 0913.04.1996

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					0xxxxddmmyy (dd = 01 - 31; mm = 01 - 12; yy = 00 - năm hiện tại & 50 - 99) 0xxxxddmmyy (dd = 01 - 31; m = 1 - 9; yy = 00 - năm hiện tại & 50 - 99) 0xxxxddmmyy (d = 1 - 9; mm = 01 - 12; yy = 00 - năm hiện tại & 50 - 99) 0xddmm19yy (dd = 01 - 31; mm = 01 - 12; yy = 50 - 99) 0xddmm20yy (dd = 01 - 31; mm = 01 - 12; yy = 00 - năm hiện tại)
	770		Sim Năm Sinh 8		dd.mm.yyyy • 00<dd<32 • 00<mm<13 • 1950 <=yyyy<= hiện tại

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					dd.m.yyyy, d.mm.yyyy • $00 < dd < 32$ • $0 < d < 10$ • $00 < mm < 13$ • $0 < m < 10$ • $1950 \leq yyyy \leq$ hiện tại
	771		Sim Năm Sinh 6		dd.mm.yy • $00 < dd < 32$ • $00 < mm < 13$ • $50 \leq yy < 2=$ số cuối năm hiện tại
	772		Sim Năm Sinh 4		.yyyy $1950 \leq yyyy \leq$ năm hiện tại + 1

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
16.	78	Sim Số độc		Sim có các đuôi: 1) Sim Lộc phát 2) Sim thần tài 3) 0102: Có 1 không 2 4) 0404: Không chết không chết 5) 0378: Phong ba bão táp 6) 0159: 1 năm làm chín năm ăn 7) 1102: Độc nhất vô nhị 8) 1204: Một hai không chết/nhất quyết không chết 9) 1655: Có lộc năm hưởng 10) 1536: Một năm ba cháu 11) 1629: 1 sống 2 chết 12) 227: Vạn vạn tuế 13) 2204: Mãi mãi bất tử	

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				14) 4078: Bốn mùa không thất bát 15) 4404: Tự tử không chết 16) 5168: Ngủ nhất định phát 17) 7168: Ra đường là phát 18) 622604 – lộc mãi mãi lộc không bao giờ mất. 19) 668804 – song lộc song phát trọn 4 mùa 20) Sim tam hoa 999, sim tứ quý 9999: trường tồn mãi mãi. 21) Sim đuôi 389: tam bát cửu – tài phát mãi. 22) Sim 6789: sim sinh tiền đẹp mang ý nghĩa “sản bằng tất cả”, “sống bằng tình cảm”. 23) Sim đuôi 569: phúc lộc thọ. 24) Sim 1369: sinh tài lộc mãi. 25) 1314: trọn đời trọn kiếp 26) 1618: Nhất lộc nhất phát 27) 2204: mãi mãi không tử (chết), mãi mãi bất tử	

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				28) 8386: phát tài phát lộc 29) 1368: sinh tài lộc phát, trọn đời lộc phát. 30) 1569: sinh phúc lộc thọ 31) 4078: bốn mùa không thất bát. 32) 6688: song lộc, song phát. 33) 0578: không năm nào thất bại, không năm nào thất bát. 34) 6789: san bằng tất cả, sống bằng tình cảm 35) 4953: tai qua nạn khỏi 36) 1352: trọn đời yêu em 37) 2283: mãi mãi phát tài 38) 1486: một năm bốn mùa phát lộc 39) 1919: một bước lên trời, một bước lên mây 40) 6979: lộc lớn tài lớn 41) 9574: trường sinh bất tử 42) 3456: bạn bè nể sợ 43) 0000: bốn mùa viên mãn.	

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				44) 1111: tứ trụ vững chắc. 45) 2222: hạnh phúc mãi mãi 46) 3333: toàn tài 47) 4444: bốn mùa phú quý 48) 5555: sinh đường làm ăn 49) 6666: tứ lộc, bốn mùa tài lộc dư dả. 50) 7777: bốn mùa không mất, bất khả xâm phạm. 51) 8888: tứ phát, bốn mùa đều phát 52) 3689: tài lộc phát trường cửu 53) 6689: Song lộc phát trường cửu 54) 1689: Nhất lộc phát trường cửu 55) 2368: Mãi tài lộc phát 56) 2628: Mãi lộc mãi phát 57) 2626: Mãi lộc mãi lộc 58) 2828: Mãi phát mãi phát	
17.	79	Sim Gánh đảo		cấu tạo bằng các bộ số đối xứng nhau ở cuối 1	0xxxxxAB.BA (x # A, A#B)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				số sim	• 0xxxABC.CBA (A, B, C có ít nhất 1 cặp số khác khác) • 0xABCD.DCBA (A, B, C, D có ít nhất 1 cặp số khác khác) • 0ABCD.DCBA0 (A, B, C, D có ít nhất 1 cặp số khác khác) • ABCDEEDCBA (A, B, C, D, E không đồng thời giống nhau, A≠0) • 0xxABCxCBA (x ≠ A, A, B, C không đồng thời giống nhau) • 0ABCDxDCBA (A, B, C, D không đồng thời giống nhau)
18.	80	Tam hoa		Bộ 3 số giống nhau cuối dãy số sim	0xxxxxB.AAA (A ≠ B)
19.	801	Tam hoa giữa		Bộ 3 số giống nhau (tính từ số thứ 3—9)	0BAAAxxxxx 0xBAABxxxxx

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					0xxBAAAxxx 0xxxBAAAxx 0xxxxBAAAx (x # A, A # B)
	800		Sim tam hoa 0		0xxxxxA.000 (A # 0)
	801		Sim tam hoa 1		0xxxxxA.111 (A # 1)
	802		Sim tam hoa 2		0xxxxxA.222 (A # 2)
	803		Sim tam hoa 3		0xxxxxA.333 (A # 3)
	804		Sim tam hoa 4		0xxxxxA.444 (A # 4)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
	805		Sim tam hoa 5		0xxxxxA.555 (A # 5)
	806		Sim tam hoa 6		0xxxxxA.666 (A # 6)
	807		Sim tam hoa 7		0xxxxxA.777 (A # 7)
	808		Sim tam hoa 8		0xxxxxA.888 (A # 8)
	809		Sim tam hoa 9		0xxxxxA.9999 (A # 9)
20.	81	Sim Tiến lên			Lưu ý: - A, B, C, D, E, F phải có ít nhất một cặp số khác nhau - Gồm cả các dãy số LÙI ĐỀU (trừ

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					trường hợp AA1) 1. 0xxxxxxxAA1 (12) (không bao gồm trường hợp LUI ĐỀU) (x # A) 2. 0xxxxxABAB1 (1213) 3. 0xxxxxABA1B (1222) 4. 0xxxxxxxAA2A4 (246) 5. 0xxxABCABC1 (135136) 6. 0xxxABC.AB1C (135145) 7. 0xxxABC.A1BC (123223) 8. 0xxxxxxxAA2A4A6 (2468) 9. 0xxxxxAA2A4A6A8 (13579) 10. 0xABCD.ABCD1 (13461347) 11. 0xABCD.ABC1D (13461356) 12. 0xABCD.AB1CD (13461446)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					13. 0xABCD.A1BCD (13462346) 14. ABCDE.ABCDE1 (A = 0) (0937409375) 15. ABCDE.ABCD1E (A = 0) (0937409384) 16. ABCDE.ABC1DE (A = 0) (0937409474) 17. ABCDE.AB1CDE (A = 0) (0537406374) 18. ABCDE.A1BCDE (A = 0) (0937419374) Tiền 8: (abcdefgh + 1) (094.1234567) ● 0x.AA1A2A3A4A5A6A7 (12345678) Tiền 7: (abcdefg + 1) (09.12345678)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					● 0xx.AA1A2A3.A4A5A6 (1234567) Sim Tiến 6 (abcdef +1) ● 0xxx.AA1A2A3A4A5 (123456) Sim Tiến 5 (abcde +1, abcde +2) ● 0xxxx.AA1A2A3A4 (12345) ● 0xxxx.AA2A4A6A8 (13579) Sim Tiến 4 (abcd +1, abcd +2) ● 0xxxxx.AA1A2A3 (1234) ● 0xxxxx.AA2A4A6 (1357) Sim Tiến 3 (abc +1) ● 0xxxxxx.AA1A2 (123) Sim Tiến Đôi +1 (abacad +1) 212223 Sim Tiến Đôi +10 (abcbdb +10) 213141 Sim Tiến Đôi +11 (aabbcc +11) 223344

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					Các trường hợp đặc biệt 8910, 78910, 678910, 5678910, 45678910, 345678910, 9.10.11, 98.99, 99.100, 98.99.100, 97.98.99.100
	810		Sim Tiến 6 (abcdef +1)	Xét tiến 6,7,8 số cuối	Tiến 6 0xxx.AA1A2A3A4A5 (x#A-1) Trường hợp đặc biệt 5678910 Ví dụ: 0924.234567 Tiến 7 0xx. AA1A2A3.A4A5A6 (x#A-1) Trường hợp đặc biệt

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					45678910 Ví dụ: 094.1234567 Tiến 8 0x.AA1A2A3A4A5A6A7 (x # A - 1) Trường hợp đặc biệt 345678910 Ví dụ: 09.12345678
	811		Sim Tiến 5 (abcde +1, abcde +2)	Xét tiến 5 số cuối	0xxxx.AA1A2A3A4 (x # A-1) 0xxxx.AA1A2A3A4 (x # A-2) Ví dụ: 09241.45678 - 09241.13579
	812		Sim Tiến 4 (abcd +1, abcd +2)	Xét tiến 4 số cuối	0xxxxx.AA1A2A3 (x # A-1) 0xxxxx.AA1A2A3 (x # A-2) Ví dụ: 092410.2345 - 092410.3579 TH đặc biệt: 78910

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
	813		Sim Tiến 3 (abc +1) 123	Xét tiến 3 số cuối	0xxxxxx.AA1A2 (x # A-1) Ví dụ: 0924101.345 Trường hợp đặc biệt 8910, 9.10.11, 98.99
	814		Sim Tiến Đôi	Xét tiến 6,7,8 số cuối	Sim Tiến Đôi +1 (abacad +1) • 0xxx.AB.AB1.AB2 (x#A) • Ví dụ: 0924.21.22.23 Sim Tiến Đôi +10 (abcbdb +10) • 0xxx.AB.A10B.A20B (x#B) • Ví dụ: 0924.21.31.41 Sim Tiến Đôi +11 (aabbcc +11) • 0xxx.AA.A11A11.A22A22 (x#A-11) • Ví dụ: 0924.22.33.44

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					Trường hợp đặc biệt: 97.98.99.100, 98.99.100
21.	82	Sim VIP		Sim có giá $\geq 50,000,000$	
22.	84	Sim tự chọn		Sim không thuộc loại sim nào cả	
23.	99	Ngũ quý		Bộ 5 số giống nhau cuối dãy số	0xxxB.AAAAA (A#B)
	990		Sim Ngũ Quý 0		0xxxA.00000 (A # 0)
	991		Sim Ngũ Quý 1		0xxxA.11111 (A # 1)
	992		Sim Ngũ Quý 2		0xxxA.22222 (A # 2)
	993		Sim Ngũ Quý		0xxxA.33333 (A # 3)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
			3		
	994		Sim Ngũ Quý 4		0xxxA.44444 (A # 4)
	995		Sim Ngũ Quý 5		0xxxA.55555 (A # 5)
	996		Sim Ngũ Quý 6		0xxxA.66666 (A # 6)
	997		Sim Ngũ Quý 7		0xxxA.77777 (A # 7)
	998		Sim Ngũ Quý 8		0xxxA.88888 (A # 8)
	999		Sim Ngũ Quý 9		0xxxA.99999 (A # 9)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
24.	100	Lục quý		Bộ 6, 7, 8 số giống nhau cuối dãy số	0xxB.AAAAAA (B # A) 0xB.AAAAAA (B#A) (thất quý) 0B.AAAAAA (B#A) (bát quý)
	1000		Sim Lục Quý 0		0xxA.000000 (A # 0) 0xA.000000 (A # 0) (thất quý) 0A.000000 (A # 0) (bát quý)
	1001		Sim Lục Quý 1		0xxA.111111 (A # 1) 0xA.111111 (A # 0) (thất quý) 0A.111111 (A # 0) (bát quý)
	1002		Sim Lục Quý 2		0xxA.222222 (A # 2) 0xA.222222 (A # 0) (thất quý) 0A.222222 (A # 0) (bát quý)
	1003		Sim Lục Quý		0xxA.333333 (A # 3)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
			3		0xA. 33333333 (A # 0) (thất quý) 0A. 33333333 (A # 0) (bát quý)
	1004		Sim Lục Quý 4		0xxA. 44444444 (A # 4) 0xA. 44444444 (A # 0) (thất quý) 0A. 44444444 (A # 0) (bát quý)
	1005		Sim Lục Quý 5		0xxA. 55555555 (A # 5) 0xA. 55555555 (A # 0) (thất quý) 0A. 55555555 (A # 0) (bát quý)
	1006		Sim Lục Quý 6		0xxA. 66666666 (A # 6) 0xA. 66666666 (A # 0) (thất quý) 0A. 66666666 (A # 0) (bát quý)
	1007		Sim Lục Quý 7		0xxA. 77777777 (A # 7) 0xA. 77777777 (A # 0) (thất quý)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					0A.77777777 (A # 0) (bát quý)
	1008		Sim Lục Quý 8		0xxA.888888 (A # 8) 0xA.8888888 (A # 0) (thất quý) 0A.88888888 (A # 0) (bát quý)
	1009		Sim Lục Quý 9		0xxA.999999 (A # 9) 0xA.9999999 (A # 0) (thất quý) 0A.99999999 (A # 0) (bát quý)
25.	102	Tam hoa kép		2 bộ 3 số giống nhau ở trong dãy số sim	0xxC.AAA.BBB (A # B, A#C)
4.	103	Tứ quý giữa		Bộ 4 số giống nhau nằm ở giữa số sim và chỉ xét 7 số cuối	0AAAAABxxxx 0xBAAAACxx (A#B, A#C) 0xxBAAAACx (A#B, A#C) 0xxxBAAAAC (A#B, A#C) 0BAAAACxxx (A #B, A#C)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
26.	104	Ngũ quý giữa		Bộ 5 số giống nhau nằm ở vị trí giữa sim và chỉ xét 9 số cuối	0.A.A.A.A.Bxxx 0.A.A.A.A.A.Bxxx (A #B, A#C) 0B.A.A.A.A.A.Cxx (A#B, A#C) 0xB.A.A.A.A.A.Cx (A#B, A#C) 0xxB.A.A.A.A.A.C (A #B, A#C)
27.	105	Lục quý giữa		Bộ 6 số giống nhau nằm ở vị trí giữa sim và chỉ xét 9 số cuối	0.A.A.A.A.A.Axxx Lục quý giữa 0.A.A.A.A.A.A.Bxx (A #B) 0B.A.A.A.A.A.A.Cx (A#B, A #C) 0xB.A.A.A.A.A.A.C (A#B, A #C) Thất quý giữa 0.A.A.A.A.A.A.A.Bx (A #B) 0B.A.A.A.A.A.A.A.C (A#B, A #C) Bát quý giữa

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					0.AAAAAAAA.B (A #B)
28.	106	Sim Số cổ		Những đầu số ra đời đầu tiên - Mobifone: 090340, 090350, 090380, - Vinaphone: 0913, 0916, 0919, - Viettel: 0983, 0988	● 090340xxxx ● 090350xxxx ● 090380xxxx ● 0913xxxxxx ● 0916xxxxxx ● 0919xxxxxx ● 0983xxxxxx ● 0988xxxxxx ● đầu cổ 0972. -> 0979. ● đầu cổ 0912. -> 0919. ● đầu cổ 0902. -> 0909. ● đầu cổ 0982. -> 0989. ● đầu cổ 0942. -> 0949.
29.	71	Sim cặp đôi		các cặp sim gần như giống nhau, chỉ khác 1 chữ số tại 1 vị trí giống nhau trong dãy số	0982.565758 và 0983.565758 và 0984.565758

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
30.	710	Sim đôi giống nhau 4 số cuối		Các cặp sim có 6 số đầu gần giống nhau (khác nhau tại vị trí thứ 6 hoặc 5&6) + 4 số cuối sim giống nhau (bao gồm cả các cặp sim tứ quý) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	0983.45.5758 và 0983.46.5758 (khác nhau 1 vị trí) 0983.45.5758 và 0983.21.5758 (khác nhau 2 vị trí liền kề)
31.	711	Sim đôi giống nhau 5 số đầu		Các cặp sim có 5 số đầu giống nhau và 5 số cuối sim gần giống nhau (khác nhau tại vị trí thứ 6 hoặc 6&7) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	09864.57.558 và 09864.67.558 (khác nhau 1 vị trí) 07998.14.523 và 07998.25.523 (khác nhau 2 vị trí liền kề)
32.	712	Sim đôi giống nhau 5 số cuối		Các cặp sim có 5 số đầu gần giống nhau (khác nhau tại vị trí thứ 5 hoặc 4&5) + 5 số cuối sim giống nhau (bao gồm cả các cặp sim ngũ quý) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	0986455758 và 0986955758 (khác nhau 1 vị trí) 09695.88888 và 09641.88888 (Khác nhau 2 vị trí liền kề)
33.	713	Sim đôi giống nhau 6 số đầu		Các cặp sim có 6 số đầu giống nhau và 4 số cuối sim gần giống nhau (khác nhau tại vị trí thứ 7 hoặc 7&8) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	098649.5758 và 098649.4758 (khác nhau 1 vị trí) 098649.5758 và 098649.4658 (khác nhau 2 vị trí liền kề)
34.	714	Sim đôi giống nhau 6 số cuối		Các cặp sim có 4 số đầu gần giống nhau (khác nhau tại vị trí thứ 4 hoặc 3&4)) + 6 số cuối sim giống nhau (bao gồm cả các cặp sim lục quý) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần	0986.155758 và 0983.155758 (khác nhau 1 vị trí) 0969.888888 và 0954.888888 (khác nhau 2 vị trí liền kề)

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
				nhau trong kho sim khi filter	
35.	715	Sim đôi giống nhau 7 số đầu		Các cặp sim có 7 số đầu tiên giống nhau + 3 số cuối gần giống nhau (khác nhau 1 hoặc 2 vị trí liền kề) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	0986499.568 và 0986499.668 (khác nhau 1 vị trí) 0986499.587 và 0986499.667 (khác nhau 2 vị trí liền kề)
36.	716	Sim đôi giống nhau 7 số cuối		Các cặp sim có 3 số đầu gần giống nhau (khác nhau tại vị trí thứ 2 hoặc 2&3) + 7 số cuối sim giống nhau (bao gồm cả các cặp sim mà 7 số cuối của sim là dãy 1 chữ số giống nhau) Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	098.1557586 và 096.1557586 (khác nhau 1 vị trí) 096.8888888 và 035.8888888 (khác nhau 2 vị trí liền kề)
37.	717	Sim đôi giống nhau 8 số đầu		Các cặp sim có 8 số đầu tiên giống nhau, chỉ khác nhau ở vị trí số 9 hoặc 9&10 Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	09864992.85 và 09864992.95 (khác nhau 1 vị trí) 09864992.58 và 09864992.35 (khác nhau 2 vị trí liền kề)
38.	718	Sim đôi giống nhau 8 số cuối		Các cặp sim có 8 số cuối cùng giống nhau (bao gồm cả các cặp sim mà 8 số cuối của sim là dãy 1 chữ số giống nhau) nhưng khác nhau về đầu số Lưu ý: Các đầu số giống nhau sẽ sắp xếp gần nhau trong kho sim khi filter	09.61557586 và 08.61557586 09.88888888 và 03.88888888
39.	115	Sim Đại cát		Dựa theo 4 số cuối của sim để tính ra đại cát	Công thức:

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					0xxxxx.yyyy yyyy : 80 = a,b 80 x 0,b = T Nếu $T = \{00, 03, 05, 16, 18, 23, 24, 25, 28, 30, 31, 38, 40, 46, 47, 66, 78, 80\}$ thì số sim đó là đại cát VD: 092 335 7870, 4 số cuối là 7870. $7870 : 80 = 98,375$ (a = 98, b = 375) $0,375 \times 80 = 30$ T = 30 là đại cát
40.	116	Sim Cát			Công thức: 0xxxxx.yyyy yyyy : 80 = a,b

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					$80 \times 0, b = T$ Nếu $T = \{01, 06, 07, 08, 11, 13, 17, 21, 27, 32, 36, 42, 43, 51, 56, 62, 64, 67, 72, 76\}$ thì số sim đó là sim cát
41.	117	Sim Bình			Công thức: $0xxxxx.yyyy$ $yyyy : 80 = a, b$ $80 \times 0, b = T$ Nếu $T = \{02, 14, 34, 37, 39, 48, 49, 50, 53, 57, 59, 65, 70, 73, 74, 77\}$ thì số sim đó là sim bình
42.	118	Sim Hung			Công thức: $0xxxxx.yyyy$ $yyyy : 80 = a, b$

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
					$80 \times 0, b = T$ Nếu $T = \{04, 09, 10, 12, 19, 22, 26, 29, 33, 35, 41, 44, 45, 52, 54, 58, 60, 61, 63, 68, 69, 71, 79\}$ thì số sim đó là sim hung
43.	119	Sim Đại hung			Công thức: $0xxxxx.yyyy$ $yyyy : 80 = a, b$ $80 \times 0, b = T$ Nếu $T = \{20, 55, 75\}$ thì số sim đó là sim đại hung
44.	114	Sim hợp mệnh Kim		Theo tool	
45.	112	Sim hợp mệnh Mộc		Theo tool	

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
46.	110	Sim hợp mệnh Thủy		Theo tool	
47.	111	Sim hợp mệnh Hỏa		Theo tool	
48.	113	Sim hợp mệnh Thổ		Theo tool	
49.	Chưa có	Sim hợp tuổi Tí		Theo tool	
50.	Chưa có	Sim hợp tuổi Sửu		Theo tool	
51.	Chưa có	Sim hợp tuổi Dần		Theo tool	
52.	Chưa có	Sim hợp tuổi Mão		Theo tool	

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
53.	Chưa có	Sim hợp tuổi Thìn		Theo tool	
54.	Chưa có	Sim hợp tuổi Ty		Theo tool	
55.	Chưa có	Sim hợp tuổi Ngọ		Theo tool	
56.	Chưa có	Sim hợp tuổi Mùi		Theo tool	
57.	Chưa có	Sim hợp tuổi Thân		Theo tool	
58.	Chưa có	Sim hợp tuổi Dậu		Theo tool	
59.	Chưa có	Sim hợp tuổi Tuất		Theo tool	

STT	Id	Loại sim	Loại sim con	Mô tả	Định dạng
60.	Chưa có	Sim hợp tuổi Hội		Theo tool	
61.	200	Sim trả góp		Sim cho phép mua trả góp	